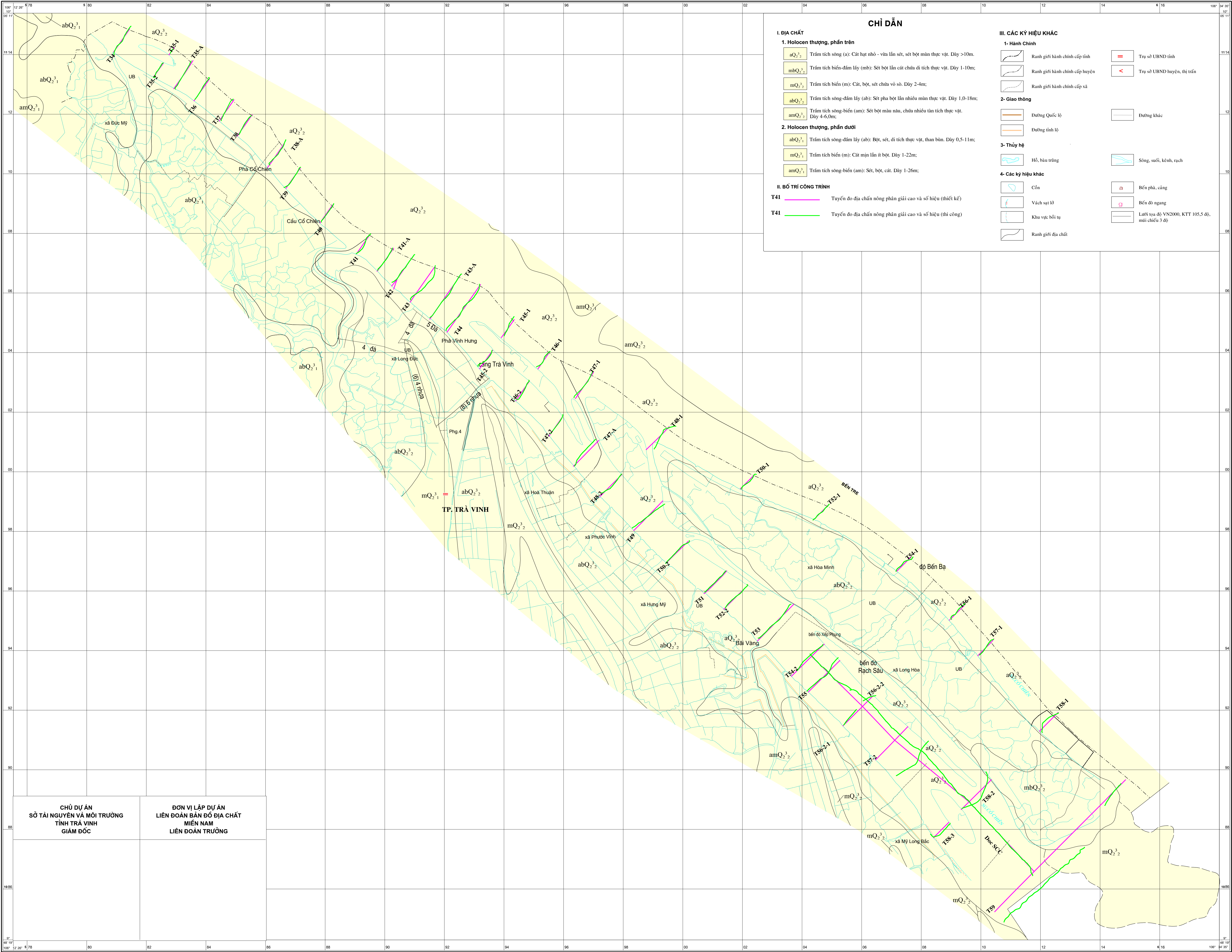


SƠ ĐỒ TÀI LIỆU THỰC TẾ CÁC TUYẾN ĐO ĐỊA CHẤN NÔNG PHÂN GIẢI CAO SÔNG CỔ CHIẾN - BẢN VẼ 2  
DỰ ÁN ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ KHOÁNG SẢN CÁT LÒNG SÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH



**I. ĐỊA CHẤT**

**1. Holocen thượng, phần trên**

aQ<sub>2</sub><sup>3</sup><sub>1</sub>

Trầm tích sông (a): Cát hạt nhỏ - vừa lẫn sét, sét bột mịn thực vật. Dày >10m.

mbQ<sub>2</sub><sup>3</sup><sub>1</sub>

Trầm tích biển-đầm lầy (mb): Sét bột lẫn cát chứa di tích thực vật. Dày 1-10m;

mQ<sub>2</sub><sup>3</sup><sub>1</sub>

Trầm tích biển (m): Cát, bột, sét chứa vỏ sò. Dày 2-4m;

abQ<sub>2</sub><sup>3</sup><sub>1</sub>

Trầm tích sông-đầm lầy (ab): Sét pha bột lẫn nhiều mùn thực vật. Dày 1,0-18m;

amQ<sub>2</sub><sup>3</sup><sub>1</sub>

Trầm tích sông-biển (am): Sét bột màu nâu, chứa nhiều tàn tích thực vật. Dày 4-6,0m;

**2. Holocen thượng, phần dưới**

abQ<sub>2</sub><sup>3</sup><sub>1</sub>

Trầm tích sông-đầm lầy (ab): Bột, sét, di tích thực vật, than bùn. Dày 0,5-11m;

mQ<sub>2</sub><sup>3</sup><sub>1</sub>

Trầm tích biển (m): Cát mịn lẫn ít bột. Dày 1-22m;

amQ<sub>2</sub><sup>3</sup><sub>1</sub>

Trầm tích sông-biển (am): Sét, bột, cát. Dày 1-26m;

**II. BỐ TRÍ CÔNG TRÌNH**

T41

Tuyến đo địa chấn nông phân giải cao và số hiệu (thiết kế)

T41

Tuyến đo địa chấn nông phân giải cao và số hiệu (thi công)

**III. CÁC KÝ HIỆU KHÁC**

**1- Hành Chính**

Ranh giới hành chính cấp tỉnh

Ranh giới hành chính cấp huyện

Ranh giới hành chính cấp xã

Trụ sở UBND tỉnh

Trụ sở UBND huyện, thị trấn

**2- Giao thông**

Đường Quốc lộ

Đường tỉnh lộ

Đường khác

**3- Thủy hệ**

Hồ, hào, ruộng

Sông, suối, kênh, rạch

**4- Các ký hiệu khác**

Cồn

Vách sạt lở

Khu vực bồi tụ

Ranh giới địa chất

a

Bến phà, cảng

g

Bến đò ngang

Lưới tọa độ VN2000, KTT 105,5 độ, múi chiếu 3 độ

CHỦ DỰ ÁN SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH GIÁM ĐỐC	ĐƠN VỊ LẬP DỰ ÁN LIÊN ĐOÀN BẢN ĐỒ ĐỊA CHẤT MIỀN NAM LIÊN ĐOÀN TRƯỞNG

Người thành lập: Vũ Trọng Tấn, Nguyễn Tiến Hòa, Nguyễn Quang Dũng, Trần Văn Thông và nnk

